

Bản án số 35/2022/DS-PT

Ngày 29-7-2022

V/v tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán: Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp đất đai.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 77/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Mạnh H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số X, tổ X, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1969 và bà Lương Thị L1 (tên gọi khác Thủy), sinh năm 1971; đều có địa chỉ: Tổ 9, Hạ Lũng, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H1 – Luật sư – Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh Phan Mạnh C, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Chị Phan Thị Kim Ng, sinh năm 1983; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số nhà X, tổ Y, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Lô 31, tái định cư Cổ Ngựa, tổ 6, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Phan Duy V, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà Z, tổ Y, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường Đ: Ông Bùi Văn V, Chủ tịch, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Mạnh H là nguyên đơn; bà Đỗ Thị Th, anh Phan Mạnh C, chị Phan Thị Kim Ng, anh Phan Duy V đều là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Năm 1993 gia đình ông Phan Mạnh H lúc đó có 6 nhân khẩu, do ông H là chủ hộ, gồm có: Ông H, vợ ông H (bà Đỗ Thị Th), các con ông H (Phan Mạnh C, Phan Thị Kim Ng, Phan Duy V) và em trai ông H ở cùng nhà là Phan Văn Chiến (sinh năm 1966 đã chết không có vợ con). Năm 1993 hộ gia đình ông H được giao, mỗi khẩu 9 thước ruộng canh tác, một thước là $24m^2$ tương đương mỗi người được giao $216m^2$ đất ruộng canh tác, hay còn gọi là đất 03. Thời điểm đó thì đất 03 do Trưởng thôn kiêm đội trưởng đội sản xuất phụ trách chia cho các hộ theo tiêu chuẩn từng hộ. Nhà ông H tổng được giao là $6 \times 216m^2 = 1.296m^2$. gồm 3 thửa: (1). Thửa số 70, tờ bản đồ số 04 diện tích $360m^2$; năm 2011 Ủy ban nhân dân quận H thu hồi $300m^2$ để thực hiện dự án tái định cư Đ. Hiện còn $60m^2$ đất Nông nghiệp ông H đang trồng chuối. (2). Thửa 119, tờ bản đồ số 05 diện tích $360m^2$; năm 2013 Ủy ban nhân dân quận H đã thu hồi hết để thực hiện dự án tái định cư Đ. (3). Đối với thửa 96, tờ bản đồ số 05 thuộc cánh đồng Cổ ngựa, tổ 9, phường Đ diện tích là $720m^2$ hiện do ông Nguyễn Ngọc L và bà Lương Thị L1 đang sử dụng giáp đất thổ cư nhà ông L. Như vậy, tổng diện tích được giao là $1.440m^2$, (theo hạn mức là $1.296m^2$), vượt hạn mức $144m^2$. Diện tích đất vượt hạn mức nằm tại thửa 96, tờ bản đồ 05, diện tích $720m^2$. Về thửa đất 96, tờ bản đồ số 05 thuộc cánh đồng Cổ Ngựa, thuộc tổ 9, sau khi được nhà nước giao đất do nhà ông H chưa có nhu cầu sử dụng, các con còn nhỏ, ông L muốn thuê lại để canh tác nên năm 1994 ông H đã đồng ý cho ông L thuê lại. Bà Th (vợ ông H) đã viết GIẤY NHƯỢNG RUỘNG PHẦN TRĂM cho ông L, có ông H, ông L và vợ ông H chứng kiến. Nội dung giấy ghi: “Tôi là Phan Văn Hùng, đội 1 L, xã Đ, An Hải – Hải Phòng. Nay tôi nhượng cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L sử dụng, với giá 2 sào ruộng bằng tiền “một triệu mốt” (1.100.000đ). Những điều kiện sử dụng 2 sào ruộng trên như

sau: *Tất cả mọi phí tổn nộp lượng trong 2 sào ruộng đó vợ chồng Anh L có trách nhiệm phải nộp cho hợp tác xã. Cộng với (20) công nghĩa vụ xã hội của gia đình tôi. Anh L được sử dụng ruộng đến khi nào HTX thu lại thì anh phải trả lại ruộng cho HTX. Với tất cả điều kiện như trên vợ chồng Anh L đã đồng ý nhất trí. Nếu ai làm sai thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hai bên nhất trí như trên là đúng*". Thời điểm đó, thửa đất nằm ở cánh đồng Rộc, ông H không nhớ số thửa cũ là bao nhiêu, tại vị trí cụ thể nào, chỉ biết diện tích đất đó cũng nằm trong khuôn viên của cánh đồng Cổ Ngựa nhưng ở phía dưới. Năm 2003 sau khi ông H đi làm ăn xa về thì thấy đất của ông H cho ông L thuê lại nằm sát ngay đất thổ cư nhà ông L nên ông H đã yêu cầu ông Hà Văn Nhà là trưởng thôn lúc bấy giờ mời ông L, bố ông L là ông Lê, ông H và ông Nhà lập biên bản làm việc về việc ông L tự ý đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông H về gần nhà, các bên có mặt đều ký vào biên bản làm việc. Ông L đã thừa nhận là đổi về gần nhà cho tiện việc canh tác. Thời điểm đó việc dồn điền, đổi thửa tại xã Đ rất nhiều nên Hợp tác xã cũng tạo điều kiện cho các hộ gia đình thuận lợi canh tác. Sau khi các bên thống nhất thì điều nhất trí là thửa đất ông L đang sử dụng chính là thửa đất của ông H trước kia. Cụ thể là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 05 thuộc cánh đồng Cổ Ngựa, tổ 9, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Còn thửa đất cũ của ông H tại cánh đồng Rộc nhà nước đã thu hồi. Ông H cũng không rõ ông L đổi cho ai. Sau khi lập biên bản làm việc tại nhà ông trưởng thôn các bên đều ký vào biên bản xác định vị trí đất như hiện tại ông L đang sử dụng và chính quyền địa phương thời điểm đó cũng đã cắm mốc giới xác định vị trí đất của ông H có chữ ký của địa chính phường thời điểm đó là ông Đặng Sỹ Tuấn. Ủy ban nhân dân phường Đ cũng cung cấp cho ông H sổ mục kê và tờ bản đồ thửa đất nông nghiệp 720m². Mặc dù tên trong sổ mục kê của thửa đất cấp cho hộ gia đình ông H là Trần Văn Thảo nhưng địa phương cũng khẳng định là do có sự nhầm lẫn, còn thực tế là cấp cho hộ gia đình ông Phan Mạnh H. Ủy ban nhân dân phường Đ cũng xác nhận: Diện tích đất nông nghiệp 720m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 05 được cấp cho hộ gia đình ông hiện tại đang do ông Nguyễn Ngọc L và vợ là Lương Thị L1 sử dụng có vị trí là: Phía Đông giáp đất nhà ông Lê Hữu Cung; Phía Nam giáp đất thổ cư của ông Lê (ông L sử dụng); Phía Tây giáp ruộng cấp 2 tập thể; Phía Bắc giáp đất 03 hộ ông Lưu Văn Như. Đất nông nghiệp được cấp cho hộ gia đình ông H đã được cấp bìa tím nhưng năm 1994 sau khi nộp cho địa chính xã để chia tách đất cho các con thì năm 1995 do bão lũ nên địa chính thời điểm đó đã làm thất lạc và giờ không tìm thấy bìa tím đất nông nghiệp của gia đình ông H. Các giấy tờ hiện giờ còn lưu lại tại phường Đ chỉ có sổ mục kê và tờ bản đồ để làm căn cứ xác định đất nông nghiệp này là của hộ gia đình ông H. Vụ việc này của gia đình ông H địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng ông L bà Luyến vẫn không chịu trả lại diện tích đất nông nghiệp cho gia đình ông H nên gia đình ông H gửi đơn ra Tòa án nhân dân quận H để giải quyết.

Nay, nguyên đơn khởi kiện: Buộc ông L, bà Luyến phải trả lại tài sản là diện tích đất nông nghiệp 720m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 05 cho ông và các con ông. Ông cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện bổ sung của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là hủy bỏ giấy viết tay Giấy nhượng ruộng phần trăm giữa ông và ông Nguyễn Ngọc L.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Năm 1994 nguyên đơn chuyển nhượng cho bị đơn diện tích đất nông nghiệp 720m² tại khu vực Cánh đồng Cổ Ngựa, tổ 9, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Khi chuyển nhượng nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn tự nguyện và có viết giấy chuyển nhượng và ký xác nhận. Bị đơn nhận đất và giao tiền đầy đủ cho nguyên đơn. Sau khi bàn giao đất bị đơn sử dụng diện tích đất đúng mục đích là trồng hoa và cho đến thời điểm năm 2003 không có kiện tụng, tranh chấp với ai. Diện tích đất khi nhận chuyển nhượng không có thay đổi gì. Giấy chuyển nhượng được nguyên đơn lập hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc khi ký nhận. Mặc dù là đất cấp cho hộ gia đình nhưng thực tế lúc đó các con của ông H đều còn nhỏ nên việc ông H và bà Th ký nhận đã đủ điều kiện đại diện cho hộ gia đình. Trong giấy chuyển nhượng này chưa có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng theo quy định của pháp luật dân sự lúc đó cũng đủ hợp pháp. Khi nào Nhà nước thu hồi thì bị đơn sẽ trả cho Nhà nước chứ bị đơn không có trách nhiệm trả cho ông H. Việc không còn hợp tác xã nữa, bị đơn không phải đóng nghĩa vụ cho Hợp tác xã hay sản lượng cho gia đình ông H cũng không ảnh hưởng đến việc này. Hiện gia đình bị đơn vẫn đang sử dụng diện tích đất ông H chuyển nhượng từ năm 1994 đến nay để trồng hoa. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp và không đồng ý trả lại diện tích đất nông nghiệp 720m² tại Cánh đồng Cổ Ngựa, L, tổ 9, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Th: Bà cũng là 1 trong 6 nhân khẩu của hộ gia đình được Hợp tác xã Đ thời điểm năm 1993 cấp đất nông nghiệp để sử dụng trồng trọt. Nhưng do gia đình không có nhu cầu sử dụng hết nên đã để lại cho ông L, bà Luyến trồng trọt và vợ chồng bà đã viết Giấy nhượng ruộng phần trăm cho ông L. Lúc đó ông L sang nhà bà không có bà Luyến, bà có chứng kiến và bà là người viết giấy nhượng ruộng phần trăm cho ông L nhưng theo bà đó chỉ là một hình thức cho thuê chứ không phải chuyển nhượng và hộ ông L thay gia đình bà nộp sản lượng cho hợp tác xã, các con bà đều không biết việc vợ chồng bà đã viết giấy nhượng ruộng phần trăm đất nông nghiệp cho ông L mà đất nông nghiệp nhà nước giao cho cả hộ gia đình là 6 nhân khẩu nên ảnh hưởng đến quyền lợi của các con bà sau này. Thời điểm từ năm 1994 đến nay đã đã 27 năm, vượt quá thời gian hai bên cam kết sử dụng 20 năm. Quan điểm của bà là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị ông L, bà Luyến trả lại diện tích đất nông nghiệp.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Phan Mạnh C, chị Phan Thị Kim Ng, anh Phan Duy V: Điều nhất trí lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Th và nguyên đơn là ông H: Các anh C, chị Ng, anh V đều có ý kiến: Anh chị là các con của ông H, bà Th nên diện tích đất nông nghiệp mà Hợp tác xã đã cấp cho hộ gia đình với 6 nhân khẩu đều có quyền lợi của các anh chị trong đó, anh chị không biết việc ông H bà Th nhượng ruộng lại cho ông L, hơn nữa việc bà Th viết giấy chỉ có ông H, ông L và bà Th chứng kiến, địa phương phường Đ không biết việc này nên theo các anh chị cho rằng giấy tờ này không có giá trị nên cần hủy bỏ. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ông L, bà Luyến trả lại diện tích đất nông nghiệp 720m² tại cánh đồng Cổ Ngựa, tổ 9, L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích cho các anh chị.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Đ: Theo tiêu chuẩn chia đất nông nghiệp của hộ ông Phan Mạnh H là 6 khẩu = 1.296m² sử dụng đất tại các thửa: - Thửa 70, tờ bản đồ số 04 diện tích 360m²; thửa này dự án tái định cư điểm số 4 thu hồi 304m² diện tích còn lại là 55,8m². - Thửa 119, tờ bản đồ số 05 diện tích 360m²; dự án tái định cư điểm số 3 đã thu hồi hết. - Thửa 96, tờ bản đồ số 05 diện tích 720m², tại sổ Mục kê năm 1995 lưu giữ tại phường thể hiện chủ sử dụng là ông Trần Văn Thảo. Thửa này hiện nay đang do ông Nguyễn Ngọc L và vợ là Lương Thị L1 quản lý và sử dụng trồng hoa. Hiện nay diện tích đất vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi. Trên sổ mục kê năm 1995 thể hiện tại thửa 96, tờ bản đồ số 05 chủ sử dụng là ông Trần Văn Thảo là có sự nhầm lẫn, thực tế là giao cho hộ ông Phan Mạnh H sử dụng. Hiện tại hộ ông Nguyễn Ngọc L là hộ đang quản lý và sử dụng từ những năm 1994 cho đến nay. Phần diện tích đất nông nghiệp 720m² này Ủy ban nhân dân phường Đ xác định là đất nông nghiệp nằm trong tiêu chuẩn đất nông nghiệp được chia của hộ gia đình ông Phan Mạnh H; Ủy ban nhân dân phường cung cấp Bản đồ giải thửa năm 1995 và sổ Mục kê năm 1995 kèm theo. Việc trước đây hộ ông Phan Mạnh H và ông Nguyễn Ngọc L đã tự thỏa thuận mua bán đất nông nghiệp với nhau bằng giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương nên Ủy ban nhân dân phường cũng không nắm được về việc các hộ đã thực hiện giao dịch mua bán với nhau như thế nào, chỉ đến khi hộ ông Phan Mạnh H có đơn tranh chấp với hộ ông Nguyễn Ngọc L thì Ủy ban nhân dân phường mới được biết sự việc. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất nông nghiệp, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Với nội dung nêu trên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn

cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 130, 131, 132, 133 Bộ luật Dân sự năm 1995; Căn cứ Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Mạnh H về việc kiện đòi lại quyền sử dụng diện tích 720m² đất nông nghiệp tại thửa đất số 96 tờ bản đồ số 05 và hủy bỏ giấy viết tay Giấy nhượng ruộng phần trăm ngày 18/12/1994 giữa ông Phan Mạnh H và ông Nguyễn Ngọc L. 2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Mạnh H. Bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/4/2022, ông Phan Mạnh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 04/4/2022 bà Đỗ Thị Th, anh Phan Mạnh C, chị Phan Thị Kim Ng, anh Phan Duy V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông H trình bày, khi khởi kiện ở Tòa án nhân dân quận H thì yêu cầu của ông là đề nghị bị đơn trả lại diện tích đất nông nghiệp 720m² tại thửa đất số 96 tờ bản đồ số 05, cánh đồng Cổ Ngựa, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng mà bị đơn đang sử dụng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông H xin rút đơn khởi kiện và rút Đơn kháng cáo. Nguyên đơn sẽ xem xét khởi kiện bằng vụ việc khác do nguyên đơn cho rằng diện tích đất trước đây nguyên đơn đã cho bị đơn thuê là diện tích đất nằm tại vị trí khác chứ không phải là diện tích đất hiện nay bị đơn đang sử dụng. Do đó tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xin rút kháng cáo, xin rút đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Đỗ Thị Th, anh Phan Mạnh C, anh Phan Duy V đều xin rút kháng cáo.

Bị đơn trình bày không đồng ý với việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của ông H, bà Th, anh C, anh V; Không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Kim Ng. Giữ nguyên nội

dung bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân quận H; về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp đất đai và kiện đòi tài sản, bị đơn có địa chỉ tại quận H, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm; việc rút kháng cáo của người kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Phan Mạnh H rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người kháng cáo có mặt tại phiên tòa phúc thẩm gồm ông Phan Mạnh H, bà Đỗ Thị Th, anh Phan Mạnh C, anh Phan Duy V đều đề nghị rút kháng cáo nên Tòa án chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Phan Mạnh H, bà Đỗ Thị Th, anh Phan Mạnh C, anh Phan Duy V. Trong vụ án còn có kháng cáo của chị Phan Thị Kim Ng nên Tòa án xem xét giải quyết kháng cáo của chị Phan Thị Kim Ng, chị Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, chị Phan Thị Kim Ng vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về nguồn gốc diện tích đất liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Các tài liệu chứng cứ xác định: Năm 1993 gia đình ông H có 6 nhân khẩu được Nhà nước giao cho mỗi nhân khẩu diện tích 216m² đất nông nghiệp. Như vậy, với 06 nhân khẩu sẽ được giao tổng diện tích 1.296m² đất nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp gia đình ông H được giao, gồm 3 thửa: (1) Thửa số 70, tờ bản đồ số 04 diện tích 360m²; thửa này năm 2011, Ủy ban nhân dân quận H đã thu hồi 300m² để thực hiện dự án tái định cư Đ nên hiện nay còn 60m² đất nông nghiệp ông H đang trồng chuối. (2) Thửa 119, tờ bản đồ số 05 diện tích 360m²; thửa này năm 2013, Ủy ban nhân dân quận H đã thu hồi hết để thực hiện dự án tái định cư Đ. (3) Thửa đất 02 sào năm 1994 đã nhượng lại cho ông L. Theo nguyên đơn trình bày diện tích đất nhượng lại cho bị đơn có vị trí khác với diện tích đất hiện nay bị đơn đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ biết diện tích

đất đó cũng ở cánh đồng Cổ Ngựa chứ không biết chính xác vị trí diện tích đất đó cũng như sổ thửa đất. Ngoài việc trình bày, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ nào khác chứng minh. Theo Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự về Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự, quy định: “1. *Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp...* 2. *Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật này quy định*”. Theo đó, Ủy ban nhân dân phường Đăng Giang đã có văn bản xác định diện tích đất mà bị đơn đang sử dụng chính là diện tích đất nguyên đơn được cấp trước đây, là thửa ruộng số 96, tờ bản đồ số 05 thuộc cánh đồng Cổ ngựa, diện tích 720m². Trong sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng Trần Văn Thảo, việc ghi này là nhầm lẫn, tên chủ sử dụng đúng là ông Phan Mạnh H. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn khẳng định diện tích đất bị đơn đang sử dụng không phải là diện tích đất trước đây nguyên đơn được cấp vì vậy nguyên đơn mới rút đơn khởi kiện để xem xét khởi kiện bằng vụ việc khác. Bị đơn cho rằng diện tích đất bị đơn đang sử dụng là do bị đơn mua của nguyên đơn, giá 1.100.000 đồng. Diện tích đất này từ trước đến nay vẫn ở tại vị trí hiện nay. Bị đơn không trao đổi, mua bán, chuyển nhượng cho ai; không dôn điền đổi thửa cho ai. Diện tích đất trước đây là đất trồng lúa, trũng, thấp. Sau khi mua bị đơn đã tôn dăng cho khởi ngấp úng để trồng hoa từ khi mua đến nay. Như vậy, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định thửa đất số 96, tờ bản đồ số 05 thuộc cánh đồng Cổ Ngựa, diện tích 720m² mà nguyên đơn hiện đang quản lý sử dụng là diện tích đất do Nhà nước giao cho hộ gia đình ông Phan Mạnh H.

[4.2] Xét việc chuyển nhượng: Theo Giấy nhượng ruộng phần trăm ngày 18/12/1994, người nhượng là ông Phan Mạnh H, người được nhượng là vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L. Bà Th lúc đó là vợ ông H, không ký tên phần người nhượng nhưng bản thân bà Th là người ký người làm chứng, chứng tỏ bà Th biết và đồng ý với việc chuyển nhượng. Việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Không có căn cứ cho rằng Giấy nhượng ruộng phần trăm là việc ông H cho ông L thuê đất. Thời điểm chuyển nhượng, ông H là chủ hộ, các thành viên trong gia đình, gồm: ông Chiến (em ông H) 28 tuổi, anh C 12 tuổi, chị Ng 11 tuổi, anh V 9 tuổi. Tại thời điểm chuyển nhượng, các con của ông H đều dưới 18 tuổi nên ông H đại diện giao dịch thay phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 1995. Đối với diện tích đất chuyển nhượng, theo Văn bản của số 66/UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng nêu: “... *Theo tiêu chuẩn tại thửa này, hộ ông Phan Mạnh H chỉ còn 576m² là đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn, còn lại 144m² là đất nông nghiệp vượt hạn mức đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của hộ ông H. Việc xác định diện tích đất trong hoặc ngoài hạn mức không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất, quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất*

được giao trong hạn mức mà chỉ ảnh hưởng đến quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 144m² tăng so với tiêu chuẩn được giao so với tiêu chuẩn được giao đất nông nghiệp của hộ ông H vì phần diện tích đất tăng này được xác định là đất nông nghiệp công ích do Ủy ban nhân dân phường quản lý. Các hộ chỉ được quản lý và sử dụng nếu khi nào Nhà nước thu hồi thực hiện dự án thì phần diện tích đất nông nghiệp tăng so với tiêu chuẩn được chia này không được bồi thường về đất. ...”. Xét thấy, diện tích đất được cấp theo tiêu chuẩn, mỗi khẩu là 09 thước, tương đương 216m², tiêu chuẩn của ông H và bà Th tổng được 432m²; 03 người con của ông H sẽ được cấp tổng 1080m². Như vậy, đối với diện tích đất 720m² ông H và bà Th chuyển nhượng cho ông L vẫn trong phạm vi phần diện tích đất của ông H, bà Th và các con ông H và bà Th được cấp. Đối với ông Chiến là em trai ông H, thời điểm chuyển nhượng 28 tuổi, mặc dù đến nay ông Chiến đã chết, không có vợ con nhưng việc chuyển nhượng của ông H không ảnh hưởng đến tiêu chuẩn diện tích đất nông nghiệp đã cấp cho ông Chiến. Căn cứ điểm a Mục 2.3 Phần II Nghị quyết Số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và vợ chồng ông L có đủ điều kiện để công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo qui định tại Điều 131, các điều từ Điều 705 đến Điều 707 và Điều 711 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003. Như vậy, quyền sử dụng diện tích đất 720m², thửa đất số 96, tờ bản đồ số 05 thuộc cánh đồng Cổ Ngựa, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng đã được chuyển nhượng cho người khác nên nguyên đơn không còn quyền sử dụng diện tích đất nêu trên. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Phan Mạnh H và bà Đỗ Thị Th là người cao tuổi và có đề nghị miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Mạnh H và bà Đỗ Thị Th; trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông H và bà Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 12; khoản 1, khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Phan Mạnh H, bà Đỗ Thị Th, anh Phan Mạnh C, anh Phan Duy V. Không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Kim Ng.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại ông Phan Mạnh H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004705 ngày 07-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

Trả lại bà Đỗ Thị Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004701 ngày 07-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

Chị Phan Thị Kim Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004703 ngày 07-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng; chị Phan Thị Kim Ng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Phan Mạnh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004702 ngày 07-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng; anh Phan Mạnh C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Phan Duy V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004704 ngày 07-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng; anh Phan Duy V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn